

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Đình Q, sinh năm 1980.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Bích C, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số 54/1H, ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa, anh Q, chị C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - anh Trương Đình Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Đình Q và chị Đỗ Thị Bích C chung sống như vợ chồng từ năm 2005. Do không am hiểu pháp luật nên đến ngày 25/4/2011 anh Q và chị C mới đi đăng ký và được UBND xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/4/2011. Đây là hôn nhân lần đầu của anh Q.

Từ khi chung sống với nhau thì anh Q ở rể gia đình nhà vợ ở địa chỉ số 54/1H, ấp Võ Đông 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, nguyên nhân do chị C thường hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh Q ngoại tình, anh Q đã nhiều lần giải thích nhưng chị C không nghe. Ngoài ra, chị C còn thường xuyên trách móc anh Q về việc anh Q không lo cho gia đình, trong khi anh Q vất vả đi làm để lo cho gia đình, vợ con. Vợ chồng thiếu sự cảm thông, thấu hiểu lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã về những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống. Đến nay, vợ chồng anh chị tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung. Mâu thuẫn vợ chồng phía gia đình hai bên đều nắm được và đã khuyên anh chị cho nhau cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Đỗ Thị Bích C.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh Q có 03 con chung là cháu Trương Đình Duy Đ, sinh ngày 17/4/2006; Trương Đình Thảo V, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Trương Đình Như Q, sinh ngày 08/4/2018. Hiện cả 03 con chung đều đang sống tại địa chỉ 54/1H, ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao cháu V và cháu Q cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện công việc của anh Q là công nhân, thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình, bị đơn – chị Đỗ Thị Bích C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Bích C và anh Trương Đình Q chung sống như vợ chồng từ năm 2005. Do không am hiểu pháp luật nên đến ngày 25/4/2011 anh Q và chị C mới đi đăng ký và được UBND xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/4/2011 như anh Q trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại chị C địa chỉ số 54/1H, ấp Võ Đông 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau. Ngoài ra, anh Q còn ham chơi, không chăm lo cho kinh tế, đời sống gia đình, một mình chị C phải gánh vác. Chị C đã nhiều lần khuyên anh Q thay đổi nhưng anh Q vẫn không khắc phục nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2021 đến nay vợ chồng sống chung nhưng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, việc ai nấy làm, ăn riêng ngủ riêng. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên nội

ngoại hoà giải nhưng không khắc phục. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh Q yêu cầu ly hôn, chị C đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị C có 03 con chung là cháu Trương Đình Duy Đ, sinh ngày 17/4/2006; Trương Đình Thảo V, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Trương Đình Như Quỳnh, sinh ngày 08/4/2018.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu Q. Chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện tại của chị C là kinh doanh online, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng.

Đối với cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Trương Đình Q và chị Đỗ Thị Bích C được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao Trương Đình Thảo V, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Trương Đình Như Q, sinh ngày 08/4/2018 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Đối với cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Đình Q và chị Đỗ Thị Bích C tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/4/2011, căn cứ Điều 9 và Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại Tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng anh Q và chị C đã để xảy ra mâu thuẫn vào khoảng năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm chăm sóc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2021 cho đến nay vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Thời gian vợ chồng sống ly thân cũng nhiều lần nói chuyện nhưng không khắc phục được mâu thuẫn xảy ra. Quá trình làm việc chị C thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh Q, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Anh Q và chị C có 03 con chung là cháu Trương Đình Duy Đ, sinh ngày 17/4/2006; Trương Đình Thảo V, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Trương Đình Như Q, sinh ngày 08/4/2018.

Khi ly hôn, anh Q và chị C thống nhất giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; xét hiện tại hai con chung đang sống ổn định cùng chị C và anh Q, nguyện vọng của Trương Đình Thảo V và cháu Trương Đình Như Q là được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với cháu Trương Đình Duy Đ hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị C hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị C không yêu cầu nên tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[3] **Về án phí**: Anh Trương Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Trương Đình Q.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Trương Đình Q và chị Đỗ Thị Bích C được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Trương Đình Thảo V, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Trương Đình Như Q, sinh ngày 08/4/2018 cho chị Đỗ Thị Bích C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Anh Trương Đình Q được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Trương Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đỗ Thị Bích C không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Trương Đình Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008499 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh Trương Đình Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk (số 26/2011, quyền số 01/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan